

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 1

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 1

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phan Thị Phương Anh	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Nguyễn Hoài Thanh	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Hà Thị Hương Lan	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Nguyễn Thị Kim Phụng	Tổ trưởng văn phòng	Thư ký hội đồng	
5	Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Ngọc Vân Anh	Bí thư chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
7	Phùng Nguyễn Xuân Uyên	Tổ trưởng chuyên môn – khối Nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
8	Liêu Yến Phương	Tổ trưởng chuyên môn – khối mẫu giáo 3-4 tuổi	Ủy viên hội đồng	
9	Lê Thị Kim Phước	Tổ trưởng chuyên môn – khối mẫu giáo 4-5 tuổi	Ủy viên hội đồng	
10	Nguyễn Thị Thanh Anh	Tổ trưởng chuyên môn – khối mẫu giáo 5-6 tuổi	Ủy viên hội đồng	
11	Nguyễn Minh Phương	Giáo viên, văn thư UV BCH CĐ	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	21
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	26
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	28
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	32
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	34
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	37
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	39
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	41

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	44
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	46
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn.	47
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.	50
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị.	52
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn.	53
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.	55
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước .	57
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	60
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	60
Mở đầu	60
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.	61
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	63
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	66
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	67
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	69
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.	72
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	77
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	78
Phần IV. PHỤ LỤC	1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	-
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	-
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	x	-
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x

Tiêu chí 4.2		x	x	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	-
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	-
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non Phường 1 Quận 10.

Tên trước đây: Nhà trẻ Hoa Quỳnh, Mầm non Phường 5.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 10.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Phan Thị Phương Anh
Huyện/quận/thị xã/thành phố	10	Điện thoại	08.38390779
Xã/phường/thị trấn	1	Fax	08.38390779
Đạt CQG	Mức độ 1	Website	mnphuong1q10.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1990	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	03	03	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	05	04	04	03	03
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	04	04	04	04	03
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	05	04	04	04	04
Cộng	18	16	15	14	13

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

STT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	18	16	15	14	13	
1	Phòng kiên cố	18	16	15	14	13	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng	04	06	06	06	05	

	phục vụ học tập						
1	Phòng kiên cố	04	06	06	06	05	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	06	06	06	06	06	
1	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	01	01	01	01	01	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	00	00	00	00	00	
	Cộng	29	29	28	28	25	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 5 năm 2024.

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	

Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	00	02	
Giáo viên	28	27	01	00	01	32	
Nhân viên	14	12	00	03	12	00	
Cộng	45	42	01	03	13	35	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	39	37	33	28	28
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	6,7 (60 trẻ/ 9 giáo viên)	8,1 (81 trẻ/ 10 giáo viên)	6,5 (52 trẻ/ 8 giáo viên)	9,3 (56 trẻ/ 6 giáo viên)	7 (49 trẻ/ 7 giáo viên)
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo)	12,6 (379 trẻ/ 30 giáo viên)	13,2 (358 trẻ/ 27 giáo viên)	10,8 (269 trẻ/ 25 giáo viên)	12,6 (277 trẻ/ 22 giáo viên)	12,8 (268 trẻ/ 21 giáo viên)
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	08	08	17	17	15
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00
6	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số trẻ em	439	439	321	333	317
	Nữ	217	387			

	<i>Dân tộc thiểu số</i>	15	13	...	...	...
2	Đối tượng chính sách	2	00	00	00	00
3	Khuyết tật	3	00	00	00	00
4	Tuyển mới	159	148	...	...	...
5	Học 2 buổi/ngày	439	439	321	333	317
6	Bán trú	439	439	321	333	317
7	Tổng số trẻ em/tổng số lớp, nhóm	439 trẻ/18 nhóm, lớp	439 trẻ/16 nhóm, lớp	321 trẻ/15 nhóm, lớp	333 trẻ/14 nhóm, lớp	317 trẻ/13 nhóm, lớp
8	Tỷ lệ trẻ em/lớp	27,1	29,8	22,4	25,2	26.8
9	Tỷ lệ trẻ em/nhóm	15	20,3	17,3	18,7	16.3
10	Trẻ từ 03 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
	Trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	15	22	16	00	00
	Trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	45	59	36	56	49
	Trẻ từ 3-4 tuổi	110	99	72	75	69
	Trẻ từ 4-5 tuổi	119	125	81	95	97
	Trẻ từ 5-6 tuổi	150	134	116	107	102

5. Các số liệu khác (nếu có): không.

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường

Trường Mầm non Phường 1 được thành lập từ năm 1978 với tên gọi Nhà trẻ Hoa Quỳnh, Mầm non Phường 5, ngày 04/10/1990 trường được đổi tên thành Trường Mầm non Phường 1 Quận 10 theo Quyết định số 124/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Quận 10. Đến tháng 10 năm 2000 được Ủy ban nhân dân Quận 10 đầu tư xây dựng mới với tổng kinh phí ngân sách nhà nước là 7.123.150.000đ. Trường tọa lạc tại số 86 Hồ Thị Kỷ, Phường 1, Quận 10 với diện tích đất là 2.975,6m², tổng diện tích sàn sử dụng là 5.666m² gồm 01 tầng trệt và 02 lầu. Trường được xây dựng gồm 18 phòng học và 04 phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu.

Ngoài sân chơi với diện tích 1.940m², trường còn có 03 sảnh chơi ở 03 tầng được đầu tư và nâng cấp hàng năm đáp ứng việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Vườn cây của bé, phòng thư viện, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất cũng được nhà trường đầu tư cải tạo, nâng cấp phù hợp với yêu cầu đổi mới chương trình chăm sóc giáo dục mầm non, đảm bảo mục tiêu giáo dục lứa tuổi và sự phát triển của trẻ.

Trải qua 46 năm xây dựng và phát triển, Trường Mầm non Phường 1 từng bước phấn đấu vươn lên để hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ và đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương:

Từ năm 2001 đến nay liên tục đạt Tập thể Lao động tiên tiến.

Từ năm 2005 đến 2013 và từ năm 2015 đến 2023 đạt Tập thể Lao động xuất sắc.

Và các danh hiệu khác như:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Công đoàn, Đoàn thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc.

- Chi bộ nhiều năm liền đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh. Năm 2012, 2017, 2019, 2020, 2021, 2022 đạt Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu Phường 1.

- Bằng công nhận đơn vị văn hóa năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Đạt danh hiệu Môi trường xanh sạch đẹp năm 2006-2008 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường được công nhận chuẩn quốc gia Mức độ 1 năm 2010 và được công nhận lại năm 2016, 2022. Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 năm 2015 và được công nhận lại năm 2022.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân Quận 10, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 1 và sự chỉ đạo sâu sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10 cùng với sự quan tâm kết hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Hiện nay, tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường là 45, trong đó có 03 cán bộ quản lý, 28 giáo viên và 14 nhân viên. Trường có 13 nhóm lớp, gồm 03 nhóm nhà trẻ và 10 lớp mẫu giáo với 317 học sinh.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ theo Điều lệ trường mầm non, có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo trong công tác. Trình độ chuyên môn của giáo viên đạt chuẩn 100%, trong đó trên chuẩn đạt 96.4%.

Trẻ ngoan, lễ phép, mạnh dạn hồn nhiên trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nề nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, ăn, ngủ, vệ sinh, lao động...

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của các trường mầm non nói chung, Trường Mầm non Phường 1 đã tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Mục đích tự đánh giá

Nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường, qua đó khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho Trường Mầm non Phường 1 không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Thông qua kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó có biện pháp khai thác, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục gồm 10 thành viên là những cán bộ chủ chốt của trường như: Cán bộ quản lý, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, tổ trưởng chuyên môn giáo viên, tổ trưởng văn phòng. Hội đồng tự đánh giá của trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng viết báo cáo cho từng nhóm. Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác và thư ký đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tìm biện pháp khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Sau khi viết báo cáo, nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá trước hội đồng sư phạm để góp phần hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá và tiến hành đăng ký đánh giá ngoài.

Quy trình tự đánh giá của trường thực hiện như sau:

Tháng 9 năm 2023: thành lập Hội đồng tự đánh giá; xây dựng kế hoạch tự đánh giá và triển khai đến toàn trường nhằm thực hiện tốt công tác tự đánh giá tại đơn vị.

Từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 02 năm 2024: thu thập thông tin, xử lý, phân tích và lưu trữ các thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Tháng 3 năm 2024: họp Hội đồng tự đánh giá thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá, kiểm tra lại thông tin minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá.

Tháng 4 năm 2024: hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và lấy ý kiến góp ý trong tập thể sư phạm.

Tháng 5 năm 2024: điều chỉnh báo cáo tự đánh giá, công bố kết quả báo cáo tự đánh giá của nhà trường trong tập thể sư phạm, bảng tin và trang website của đơn vị.

Qua báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục đã giúp nhà trường có cơ sở đánh giá chính xác và thực hiện việc điều chỉnh các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục một cách toàn diện.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Chất lượng giáo dục phụ thuộc vào 04 yếu tố: đội ngũ, cơ sở vật chất, đầu vào và công tác quản lý, trong đó công tác quản lý giữ vai trò quan trọng. Trong điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, đầu vào như nhau, nơi đâu quản lý tốt thì nơi đó có chất lượng tốt hơn. Chính vì vậy trong nhiều năm qua, Trường Mầm non Phường 1 đã từng bước xây dựng, hoàn thiện bộ máy tổ chức và thực hiện tốt công tác quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Điều 3, Điều lệ Trường mầm non được ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2021-2026 được Trường phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10 phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng chiến lược xây dựng được công bố, công khai bằng hình thức niêm yết tại bản tin trường và công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường: <http://mnphuong1q10.hcm.edu.vn> [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường thông qua việc xây dựng kế hoạch hoạt động [H1-1.1-03]; đánh giá, rút kinh nghiệm hằng tháng, báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm [H1-1.1-04].

Mức 3:

Hằng năm, cán bộ quản lý nhà trường đều rà soát, kiểm tra, bổ sung và điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với tình hình thực tế. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh; chưa được sự hỗ trợ từ cộng đồng dân cư [H1-1.1-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cụ thể, rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với các quy định, với sự phát triển của địa phương, với nguồn lực nhà trường cũng như có các giải pháp để giám sát việc thực hiện, có sự công khai minh bạch đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng cùng biết và phối hợp thực hiện.

3. Điểm yếu

Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường chưa được sự hỗ trợ từ cộng đồng dân cư.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tăng cường, rà soát, bổ sung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho từng năm học. Hiệu trưởng thường xuyên phối hợp với cộng đồng thông qua các buổi họp do địa phương tổ chức; mời cha mẹ trẻ cùng tham gia giám sát, đóng góp ý kiến hoặc đề xuất các giải pháp góp phần cùng nhà trường thực hiện có hiệu quả phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo Quyết định số 3300/QĐ-PGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 10 gồm 11 thành viên là những cán bộ chủ chốt của trường: 03 cán bộ quản lý, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, 02 tổ trưởng chuyên môn giáo viên, tổ trưởng văn phòng, Phó Chủ tịch UBND Phường 1, Trưởng Ban đại diện Cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, Hội đồng trường không có đề nghị kiện toàn khi có thay đổi nhân sự lãnh đạo địa phương [H1-1.2-01]. Vào đầu năm học, hiệu trưởng ra quyết định thành lập các hội đồng như: Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi vấp trường; Hội đồng xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng xét nâng lương. Ngoài ra, còn có Hội đồng tuyển sinh theo quyết định của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10 [H1-1.2-02].

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và có trách nhiệm trong việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; thực hiện tốt công tác huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực phát triển nhà trường [H1-1.2-03].

c) Hoạt động của các hội đồng được nhà trường rà soát, đánh giá kết quả thực hiện họp định kỳ 03 lần/năm học thông qua các cuộc họp báo cáo sơ kết,

tổng kết, biên bản họp [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác luôn hỗ trợ giám sát các hoạt động của nhà trường, thực hiện đúng quyền hạn chức năng, giữ nhiệm vụ tư vấn, tham mưu, đề ra phương hướng hoạt động của trường, hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có lúc đại diện Ủy ban nhân dân phường, phụ huynh tham gia chưa đầy đủ các buổi họp do trùng lịch họp, chưa tích cực nêu ý kiến để đem lại hiệu quả tốt hơn [H1-1.1-04]; [H1-1.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các hội đồng và hoạt động đúng theo chức năng, nhiệm vụ quy định. Các thành viên trong hội đồng luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao, có sự phối hợp thống nhất khi thực hiện nhiệm vụ chung, thường xuyên tư vấn, thúc đẩy giúp hoạt động của trường ngày càng đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Có lúc đại diện Ủy ban nhân dân phường, phụ huynh tham gia chưa đầy đủ các buổi họp do trùng lịch họp, chưa tích cực nêu ý kiến để đem lại hiệu quả tốt hơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì đủ số lượng nhân sự trong Hội đồng trường và các hội đồng khác theo cơ cấu, có phân công công việc cho các thành viên cụ thể, rõ ràng để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các hội đồng. Thực hiện hồ sơ đề nghị kiện toàn hội đồng trường khi thay đổi nhân sự để có đầy đủ thành phần hội đồng theo quy định, thực hiện đúng nhiệm vụ thành viên hội đồng trường khi được công nhận.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Phường 1 có đầy đủ các đoàn thể và các tổ chức khác, tất cả đều có cơ cấu tổ chức theo quy định, cụ thể:

Công đoàn cơ sở gồm 45 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn Lao động Quận 10, Ban Chấp hành Công đoàn gồm 05 thành viên [H1-1.3-01]; Chi đoàn có 8 đoàn viên trực thuộc Đoàn Phường 1, Ban Chấp hành Chi đoàn gồm 02 thành viên [H1-1.3-02]; Ngoài ra nhà trường còn có các tổ chức xã hội khác như: Chi hội Khuyến học và Hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]. Trong 05 năm qua, nhà trường có sự thay đổi nhưng vẫn đảm bảo cơ cấu tổ chức của trường.

b) Công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng, hoạt động đúng quy định pháp luật Công đoàn, tham gia nhiều phong trào thi đua do nhà trường và cấp trên đề ra. Thực hiện tốt các cuộc vận động: “Đẩy mạnh việc học tập và làm

theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” [H1-1.3-01].

Chi đoàn hoạt động đúng theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Chi đoàn thực hiện tốt nghị quyết năm học, phối hợp tốt với Công đoàn tổ chức và tham gia nhiều phong trào thi đua. Phối hợp với đoàn phường tổ chức tốt các hoạt động, phong trào và tạo sân chơi cho trẻ tại địa phương [H1-1.3-02].

Chi hội Khuyến học chủ động thành lập quỹ để khen thưởng cho con cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên có thành tích học tập cao vào cuối năm học; hỗ trợ các cháu có hoàn cảnh khó khăn tại đơn vị và địa phương. Tuy nhiên, do công tác chuyên môn nhiều nên hoạt động của Chi hội Khuyến học đôi lúc chưa phong phú [H1-1.3-03].

Hội Chữ thập đỏ hoạt động theo kế hoạch của Hội Chữ thập đỏ Quận 10, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao như: Hiến máu nhân đạo, đóng góp quỹ học bổng Chữ thập đỏ, tập huấn sơ cấp cứu [H1-1.3-04].

c) Hằng năm, Công đoàn, Chi đoàn đều được Liên đoàn Lao động Quận 10 và Đoàn Phường 1 tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động đạt chất lượng và hiệu quả; được công nhận Công đoàn vững mạnh [H1-1.3-01]; Chi đoàn xuất sắc nhiều năm liền [H1-1.3-02]. Bên cạnh đó Chi hội Khuyến học và Hội Chữ thập đỏ thực hiện đánh giá, rà soát các mục tiêu đạt được qua đó đề ra kế hoạch tiếp theo tốt hơn [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Trường có Chi bộ đảng độc lập với 17 đảng viên trực thuộc Đảng bộ Phường 1; cấp ủy chi bộ gồm: Bí thư, 01 phó bí thư, 01 chi ủy viên; Bí thư chi bộ là hiệu trưởng nên rất thuận tiện trong công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý của nhà trường; chi bộ hoạt động đúng theo quy định Điều lệ Đảng, sinh hoạt định kỳ 01 tháng 01 lần; chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2023; 100% đảng viên được xếp loại đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 02 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Công đoàn, Chi đoàn, Chi hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ trường luôn hoạt động tích cực, đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường

như xây dựng tập thể đoàn kết nhất trí, tham mưu chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tổ chức nhiều phong trào thi đua góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục tại đơn vị, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng; Chi đoàn luôn là lực lượng nòng cốt, tích cực trong mọi hoạt động của nhà trường, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 3:

a) Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2023 [H1-1.3-05].

b) Công đoàn, Chi đoàn, Chi hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ vận động đoàn viên tích cực tham gia phong trào thi đua và có thành tích cao đã đóng góp hiệu quả cho thành tích nhà trường. Công đoàn, Chi đoàn, Hội Chữ thập đỏ tham gia tốt các hoạt động xã hội như thăm hỏi và tặng quà cho trẻ mồ côi, gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong và ngoài thành phố [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-04]. Chi hội Khuyến học phát động nuôi heo đất nhằm giúp đỡ các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn đang học tập tại trường [H1-1.3-03]; Chi bộ phối hợp cùng Đảng ủy Phường 1 thực hiện tốt mô hình “Đồng hành, giúp đỡ đưa các hộ thoát nghèo một cách bền vững” [H1-1.3-05].

2. Điểm mạnh

Trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác theo đúng cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định; có sự phối hợp thống nhất giữa các đoàn thể khi thực hiện nhiệm vụ chung. Trong 05 năm qua, nhân sự trường có thay đổi nhưng vẫn đảm bảo cơ cấu tổ chức của trường, hoạt động ổn định, nề nếp đáp ứng yêu cầu hiện tại.

3. Điểm yếu

Do công tác chuyên môn nhiều nên hoạt động của Chi hội Khuyến học đôi lúc chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì đủ số lượng nhân sự theo cơ cấu để nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động; Cấp ủy chi bộ tăng cường

kiểm tra, giám sát và định hướng, tạo điều kiện cho các đoàn thể hoạt động hiệu quả hơn, nhất là hoạt động của Chi hội Khuyến học của trường ngày càng phong phú và thu hút hội viên tham gia tích cực hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Cán bộ quản lý nhà trường có đủ số lượng người theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập gồm hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng [H1-1.4-01].

- b) Trường có 05 tổ chuyên môn: 01 tổ nhà trẻ với 07 giáo viên, 01 tổ mẫu giáo 3-4 tuổi với 06 giáo viên, 01 tổ mẫu giáo 4-5 tuổi với 07 giáo viên; 01 tổ mẫu giáo 5-6 tuổi với 08 giáo viên, 01 tổ cấp dưỡng với 08 nhân viên và 01 tổ văn

phòng với 06 nhân viên bao gồm 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, 02 nhân viên phục vụ, 02 bảo vệ; mỗi tổ chuyên môn và tổ văn phòng được cơ cấu có 01 tổ trưởng [H1-1.4-02].

c) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường đều có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học, tháng, tuần và sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng, nội dung sinh hoạt định kỳ đảm bảo chất lượng, có thảo luận các biện pháp thực hiện và những mặt còn tồn tại trong công việc để rút kinh nghiệm được ghi chép thông qua biên bản họp [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn có đề xuất và thực hiện các chuyên đề theo kế hoạch chung của nhà trường. Các chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường, được triển khai rộng rãi đến toàn thể giáo viên trong trường và trong quận nhằm giúp giáo viên học hỏi, trao đổi, rút kinh nghiệm lẫn nhau [H1-1.4-04].

b) Các hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh thông qua báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động của tổ nhằm kịp thời rút kinh nghiệm những mặt hạn chế và đề ra phương hướng thực hiện đạt hiệu quả [H1-1.4-03].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn luôn đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường, được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10 giao nhiệm vụ thực hiện chuyên đề cấp quận, cụm và tổ chức nhiều chuyên đề cấp trường hằng năm, tham gia các hội thi, tổ chức các hoạt động lễ hội cho trẻ và các hoạt động theo chỉ đạo đều đạt kết quả tốt [H1-1.4-05]. Hoạt động của tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường thông qua thực hiện công tác chủ động, linh hoạt, thực hành tiết kiệm. Tuy nhiên, có lúc chất lượng họp của tổ giáo viên chưa đi sâu bàn biện pháp để hoạt động chuyên môn đạt kết quả tốt nhất [H1-1.4-03].

b) Hằng năm tổ chuyên môn thực hiện nhiều chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tổ chức nhiều chuyên đề đạt hiệu quả

chia sẻ cho cụm, quận, thành phố. Điển hình năm học 2019-2020 tổ chức chuyên đề cấp quận “Quy trình chế biến thức ăn của cấp dưỡng” và “Tổ chức giờ ăn cho trẻ”; Năm học 2020-2021 tổ chức chuyên đề cấp quận “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ”; Năm học 2023-2023 tổ chức chuyên đề cấp quận “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” [H1-1.4.04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng công tác liên tục trong ngành nhiều năm, đạt trình độ chuyên môn nghiệp vụ trên chuẩn, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí công tác đang đảm nhiệm, được tập thể tin nhiệm.

Trường có đầy đủ các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, hoạt động hiệu quả, chấp hành nghiêm túc nhiệm vụ được giao, duy trì được lịch sinh hoạt định kỳ hằng tháng.

2. Điểm yếu

Tuy nhiên, có lúc chất lượng họp của tổ giáo viên chưa đi sâu bàn biện pháp để hoạt động chuyên môn đạt kết quả tốt nhất

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục làm tốt công tác tư tưởng cho nhân viên về nâng cao ý thức tự giác trong công việc. Giao trách nhiệm cho tổ trưởng có nhiệm vụ theo dõi, nhận xét đánh giá thi đua và khen thưởng cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ để có sự thúc đẩy và ý thức làm việc của từng cá nhân trong tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Tiếp tục chỉ đạo 01 phó hiệu trưởng mới rèn luyện năng lực quản lý chuyên môn để tích lũy kinh nghiệm, chỉ đạo nâng chất lượng sinh hoạt chuyên môn tổ giáo viên.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy

định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 13 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi quy định tại Điều lệ trường mầm non được ban hành theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm: 01 nhóm 19-24 tháng, 02 nhóm 25-36 tháng, 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 04 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H1-1.5-01].

b) Tất cả các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày [H1-1.5-02].

c) Nhà trường đã quán triệt về công tác giáo dục hòa nhập, triển khai kế hoạch ngay từ đầu năm học đến đội ngũ. Bên cạnh đó, nhà trường còn tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên tham dự các lớp tập huấn về công tác giáo dục hòa nhập, phát hiện sớm và can thiệp sớm nhằm giúp giáo viên tăng cường kỹ năng quan sát và phát hiện sớm những đặc điểm về tật của trẻ; Năm học 2019-2020 trường có 03 trẻ khuyết tật [H1-1.5-03]; Từ năm học 2020-2021 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 2:

Tổng số học sinh của trường là 317, trong đó gồm: 03 nhóm nhà trẻ có 49 học sinh, 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi có 69 học sinh, 04 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi có 97 học sinh, 04 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi có 102 học sinh. Số lượng trẻ bình quân ở

mỗi nhóm, lớp không vượt quá quy định [H1-1.5-01]. Tuy nhiên, số lượng trẻ còn thay đổi liên tục nên nhà trường cũng khó khăn trong việc sắp xếp lớp và quản lý trẻ (do trẻ nhà trẻ chưa thích nghi với môi trường nên nghỉ học, do trẻ đi học lại sau nghỉ dịch Covid-19 ngày càng giảm và chưa ổn định).

Mức 3:

Tổng số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của trường trong năm học 2023-2024 là 13 nhóm, lớp; đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện việc phân chia trẻ vào các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo độ tuổi quy định tại Điều lệ trường mầm non, tổ chức các hoạt động phù hợp lứa tuổi không có nhóm ghép, 100% trẻ được học bán trú tại trường.

3. Điểm yếu

Số lượng trẻ còn thay đổi liên tục nên nhà trường cũng khó khăn trong việc sắp xếp lớp và quản lý trẻ (do trẻ nhà trẻ chưa thích nghi với môi trường nên nghỉ học, do trẻ đi học lại sau nghỉ dịch Covid-19 ngày càng giảm và chưa ổn định).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng có biện pháp tuyên truyền, tư vấn phụ huynh thực hiện một số nề nếp, chế độ sinh hoạt giúp trẻ nhanh chóng thích nghi, hòa nhập với môi trường. Tiếp tục duy trì và ổn định sĩ số trẻ các nhóm, lớp theo độ tuổi phù hợp để đảm bảo cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ toàn diện đạt được mục tiêu theo từng lứa tuổi.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hồ sơ sổ sách về tổ chức, chuyên môn nghiệp vụ, chứng từ tài sản, tài chính được quản lý, lưu trữ đầy đủ theo đúng quy định của Luật lưu trữ số 01/2021/QH13. Kho lưu trữ hồ sơ được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp theo từng bộ phận được phân công phụ trách và theo từng danh mục tại trường, tuy nhiên chưa được mã hóa theo danh mục [H1-1.6-01].

b) Nhà trường thực hiện việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng theo quy định. Thực hiện tốt việc công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-02]. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung hằng năm, cập nhật kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-03].

c) Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường được thực hiện đúng mục đích và có hiệu quả; Có kế hoạch sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi hằng năm để đáp ứng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản thông qua các phần mềm

như: phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử cán bộ công chức viên chức, phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo, phần mềm tuyển sinh trực tuyến, phần mềm Mind manager, phần mềm dinh dưỡng (Bảo công nghệ), phần mềm giáo dục giới tính cho trẻ từ 3-5 tuổi, phần mềm IMAS trong quản lý tài chính, tài sản, phần mềm quản lý trực tuyến các khoản thu SSC, phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp IMAS, phần mềm I-Van E-BH kê khai bảo hiểm xã hội, phần mềm Hoá đơn điện tử E-invoice (Sofl dream), chương trình quản lý văn bản, trang thông tin điện tử [H1-1.6-06].

b) Trong 05 năm qua, nhà trường đã thực hiện sử dụng, quản lý đạt hiệu quả. Hằng năm phòng kế hoạch tài chính và chi cục thuế Quận 10 có thực hiện thẩm tra, kiểm tra về tài chính, tài sản nhà trường không vi phạm các nguyên tắc quan đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của đoàn kiểm tra quyết toán [H1-1.6-02].

Mức 3:

Trường có xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Tuy nhiên, từ sau dịch Covid-19, số trẻ đi học ngày càng giảm, trường bị giảm các nguồn thu nên phải điều chỉnh kế hoạch ngắn hạn trong việc tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với thực tế đơn vị [H1-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kho lưu trữ hồ sơ nên hệ thống hồ sơ được lưu trữ rõ ràng, hợp lý. Thực hiện nghiêm túc việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản, công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định và có hiệu quả trong phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục.

3. Điểm yếu

Từ sau dịch Covid-19, số trẻ đi học ngày càng giảm, trường bị giảm các nguồn thu nên phải điều chỉnh kế hoạch ngắn hạn trong việc tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với thực tế đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo cho kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện tốt và lưu trữ các loại hồ sơ về quản lý tài chính theo quy định. Hiệu trưởng phối hợp thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh để trẻ mầm non được đi học đều trở lại, giúp trường duy trì và nâng số lượng học sinh, nâng nguồn thu tài chính. Bên cạnh đó hiệu trưởng tham mưu các cấp lãnh đạo và kêu gọi sự tham gia tài trợ của cha mẹ học sinh nhằm đảm bảo các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị một cách tốt nhất.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01]; tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho đội ngũ tham gia các lớp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị...; chỉ đạo và khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của cá nhân phù hợp với nhu cầu [H1-1.7-02].

b) Hằng năm, nhà trường đều có quyết định phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý; việc phân công, sử dụng nhân sự của nhà trường phù hợp với năng lực, vị trí việc làm của từng cá nhân theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, góp phần đảm bảo cho các hoạt động trong nhà trường được vận hành theo yêu cầu và nhiệm vụ chung của năm học [H1-1.7-03].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định; luôn quan tâm, đảm bảo mọi quyền lợi hợp pháp, chính đáng về vật chất, tinh thần cho đội ngũ; luôn bảo vệ nhân phẩm, danh dự cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định hiện hành thông qua Hội nghị Cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm, nhà trường đã lấy ý kiến thống nhất của tập thể để xây dựng quy chế hoạt động [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường luôn chú trọng đề ra các biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục thông qua kế hoạch năm, tháng, tuần [H1-1.1-03]; kế hoạch tổ chức hội thi giáo viên giỏi, thi tay nghề nhân viên nấu ăn, nhân viên nuôi dưỡng [H1-1.7-05]; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ [H1-1.7-06]... sát với tình hình thực tế và dựa trên cơ sở chỉ đạo, định hướng của ngành và đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm phát huy tính tự giác, sáng tạo của đội ngũ. Tuy nhiên, ý thức tự học tự rèn để nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ của một số giáo viên, nhân viên vẫn chưa cao, chưa phát huy tốt năng lực của cá nhân.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ, thực hiện tốt việc phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường; Có đề ra các biện pháp thiết thực, cụ thể nhằm giúp cho đội ngũ phát huy được năng lực của mình.

3. Điểm yếu

Ý thức tự học tự rèn để nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ của một số giáo viên, nhân viên vẫn chưa cao, chưa phát huy hết năng lực của cá nhân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Đội ngũ sư phạm trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định. Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra, theo dõi và nắm bắt những hạn chế của giáo viên, nhân viên để có đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, nhân viên kịp thời.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục của các nhóm, lớp được thực hiện theo văn bản hợp nhất 01/BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch đảm bảo thực hiện đúng các mục tiêu, nội dung giáo dục theo Chương trình

giáo dục mầm non phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ, với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.8-01].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục như: kế hoạch giáo dục năm học, tháng, tuần có xác định nhiệm vụ, biện pháp thực hiện và phân công cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thực hiện có hiệu quả [H1-1.8-01].

c) Kế hoạch giáo dục của giáo viên được phó hiệu trưởng kiểm duyệt, rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời hằng tuần [H1-1.8-02]; tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ mỗi tháng để rút kinh nghiệm thực hiện và định hướng cho giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục đạt chất lượng [H1-1.8-03].

Mức 2:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch cụ thể, đề ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ và được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao [H1-1.8-04]. Kế hoạch kiểm tra đánh giá đôi lúc thực hiện chưa đúng tiến độ, còn bị động do có những công tác đột xuất.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch cụ thể, đề ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được điều chỉnh bổ sung kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của từng nhóm lớp.

3. Điểm yếu

Kế hoạch kiểm tra đánh giá đôi lúc thực hiện chưa đúng tiến độ, còn bị động do có những công tác đột xuất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng sẽ tiếp tục tạo mọi điều kiện thuận lợi, động viên để tổ chuyên môn, giáo viên duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động. Đồng thời, phân công 02 phó hiệu trưởng sắp xếp thời gian thực hiện kiểm tra đánh giá giáo viên, nhân viên kịp thời theo đúng

tiến độ và linh hoạt điều chỉnh lịch kiểm tra nhằm góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong tất cả các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế dân chủ theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo hướng dẫn thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập) thông qua các buổi họp tổ khối, họp hội đồng trường, họp tập thể sư phạm và trong tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động [H1-1.9-01]; [H1-1.7-04]; hằng năm có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế [H1-1.1-04].

b) Trong những năm qua, nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong các hoạt động, không có trường hợp khiếu nại, tố cáo, chỉ có một vài kiến nghị,

phản ánh nhưng đã được giải quyết thấu đáo, hợp lý, đúng pháp luật [H1-1.9-02].

c) Thực hiện nghiêm túc việc báo cáo tình hình thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo định kỳ quý, năm [H1-1.9-01].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả dưới sự lãnh đạo của Cấp ủy chi bộ, sự kiểm tra, giám sát của Ban kiểm tra nội bộ nhà trường, các tổ chức đoàn thể, Ban thanh tra nhân dân thông qua các cuộc họp, trên bảng tin Công đoàn, trang website. Năm 2018, 2019 được giấy khen của Quận ủy Quận 10 vì đã có thành tích tốt trong việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-01]. Tuy nhiên việc công khai hoạt động có lúc còn chậm so với tiến độ do bị động về công tác, do nội dung văn bản công khai mới.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các báo cáo về quy chế dân chủ theo chỉ đạo của cấp trên. Luôn đề ra biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. Trong những năm qua trường không có khiếu nại, tố cáo.

3. Điểm yếu

Việc công khai hoạt động có lúc còn chậm so với tiến độ do bị động về công tác, do nội dung văn bản công khai mới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng phối hợp với Chủ tịch công đoàn tiếp tục phát huy việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị đồng thời chỉ đạo các bộ phận thực hiện công khai hoạt động nhà trường đúng tiến độ trên bảng tin Công đoàn, Chi đoàn và trang website để đội ngũ nắm bắt thông tin kịp thời hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực [H1-1.10-01]. Trường thường xuyên phối, kết hợp với Công an Phường 1, Trạm y tế Phường 1, Trung tâm y tế Quận 10, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10 đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]. Trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ, thực hiện ký kết hợp đồng cung cấp lương thực, thực

phẩm cho trẻ ăn bán trú tại trường với các công ty nằm trong chuỗi An toàn thực phẩm của thành phố [H1-1.10-04]. Bếp ăn của trường đảm bảo đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-05].

b) Trường có hộp thư góp ý, có lịch tiếp công dân để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của người dân; có công khai các số điện thoại khẩn cấp của Ủy ban nhân dân Phường 1, Công an Phường 1 và cán bộ quản lý trong việc đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.9-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn yêu thương trẻ, đối xử công bằng với mọi trẻ, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.9-02].

Mức 2:

a) Phó hiệu trưởng phối hợp với nhân viên y tế tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hiện cho tập thể sư phạm và trẻ các phương án đảm bảo an ninh trật tự; đảm bảo an toàn trong trường học thông qua các hoạt động như: diễn tập phòng cháy chữa cháy, hội thi “Sơ cấp cứu”, các buổi tập huấn về phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống ngộ độc thực phẩm; phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Giáo viên hướng dẫn cho trẻ các kiến thức, kỹ năng như: thoát hiểm khi xảy ra cháy; không được chơi với đồ vật gây nguy hiểm; kỹ năng phòng vệ, phòng tránh xâm hại, quy tắc 5 ngón tay... [H1-1.10-01]; [H1-1.10-03].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Từ năm học 2017-2018 đến nay, trường không có thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Tuy nhiên, do trường nằm trong khu vực chợ hoa Hồ Thị Kỷ nên tình hình an ninh, trật tự đôi lúc còn hạn chế một số người dân trong khu vực xung quanh trường thường xuyên đậu xe, buôn bán gây mất mỹ quan trước cổng trường [H1-1.2-03]; [H1-1.10-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phương án cụ thể, rõ ràng. Có sự phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể trong phường và quận thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hiện các phương án cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thường xuyên.

3. Điểm yếu

Trường nằm trong khu vực chợ hoa Hồ Thị Kỷ nên tình hình an ninh, trật tự đôi lúc còn hạn chế một số người dân trong khu vực xung quanh trường thường xuyên đậu xe, buôn bán gây mất mỹ quan trước cổng trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng phát huy xử lý việc cập nhật thông tin kiến thức, kỹ năng mới trong chăm sóc sức khỏe trẻ. Thực hiện tốt các phương án phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an ninh, an toàn phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học. Lập công văn trình các cấp lãnh đạo có thẩm quyền đề nghị xử lý các hộ dân sống gần trường không đậu xe, không buôn bán trên khu vực hành lang trường trả lại mỹ quan trước cổng trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cụ thể, rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với các quy định, với sự phát triển của địa phương, với nguồn lực nhà trường cũng như có các giải pháp để giám sát việc thực hiện, có sự công khai minh bạch đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng cùng biết và phối hợp thực hiện.

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

Có đầy đủ các tổ chức đoàn thể và hoạt động có hiệu quả. Trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Cán bộ quản

lý nhà trường luôn thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, quản lý tốt hoạt động chuyên môn, quản lý tài chính, tài sản. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hỗ trợ tốt trong việc triển khai các hoạt động giáo dục và bồi dưỡng các thành viên trong tổ. Trẻ đến trường được phân chia theo đúng độ tuổi, được học 02 buổi/ngày, được khám sức khỏe định kỳ theo quy định; tổ chức tốt công tác vệ sinh môi trường, y tế trường học. Có đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ, tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra.

Điểm yếu cơ bản

Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa có sự tham gia của cộng đồng dân cư.

Trong các buổi họp một vài thành viên trong Hội đồng trường đôi lúc chưa mạnh dạn trong đóng góp ý kiến.

Do công tác chuyên môn nhiều nên hoạt động của Chi hội Khuyến học đôi lúc chưa phong phú.

Tổ văn phòng đôi lúc chưa thực hiện họp theo đúng quy định 02 lần/ 01 tháng.

Đôi lúc một vài thành viên chưa phát huy tốt sự chủ động trong công việc.

Số lượng trẻ còn thay đổi liên tục nên nhà trường cũng khó khăn trong việc sắp xếp lớp và quản lý trẻ (do trẻ nhà chưa thích nghi với môi trường nên nghỉ học).

Từ sau dịch Covid-19, số trẻ đi học ngày càng giảm, trường bị giảm các nguồn thu nên phải điều chỉnh kế hoạch ngắn hạn trong việc tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với thực tế đơn vị.

Ý thức tự học tự rèn để nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ của một số giáo viên, nhân viên vẫn chưa cao, chưa phát huy hết năng lực của cá nhân.

Kế hoạch kiểm tra đánh giá đôi lúc thực hiện chưa đúng tiến độ, còn bị động do có những công tác đột xuất.

Việc công khai hoạt động đôi lúc còn chậm so với tiến độ.

Trường nằm trong khu vực chợ hoa Hồ Thị Kỷ nên tình hình an ninh, trật tự đôi lúc còn hạn chế một số người dân trong khu vực xung quanh trường thường xuyên đậu xe, buôn bán gây mất mỹ quan trước cổng trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Xác định vai trò quyết định, quan trọng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đối với sự phát triển chung của nhà trường, ngay từ những ngày đầu của mỗi năm học, hiệu trưởng nhà trường luôn quan tâm đến công tác đảm bảo đầy đủ nhân sự theo cơ cấu của Điều lệ trường mầm non cũng như công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Với những nỗ lực trong nhiều năm qua, Trường Mầm non Phường 1 đã từng bước có những đổi mới trong bồi dưỡng và quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, hướng tới sự phát triển bền vững, đáp ứng tốt những yêu cầu, mục tiêu giáo dục của nhà trường nói riêng và mục tiêu của ngành nói chung, đồng thời thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đãi ngộ, tạo được những chuyển biến tích cực trong đội ngũ.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng có bằng Đại học sư phạm mầm non; đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý; có bằng Trung cấp chính trị - Hành chính; có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực tổ chức, quản lý nhà trường [H1-1.4-01].

b) Hằng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được nhận xét, đánh giá đạt Chuẩn hiệu trưởng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả xếp loại: đạt tốt từ năm học 2019-2020 đến 2023-2024 [H2-2.1-01].

c) Cán bộ quản lý được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10 tổ chức. Hiệu trưởng có nhiều kinh nghiệm, có năng lực quản lý chuyên môn nghiệp vụ, chủ động tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm giá, hiệu trưởng được Trường phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, phó hiệu trưởng được hiệu trưởng đánh giá. Kết quả xếp loại tốt từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng Trung cấp lý luận chính trị - Hành chính. Hằng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đi học bồi dưỡng chính trị theo quy định do Quận ủy Quận 10 và Đảng ủy Phường 1 tổ chức [H1-

1.4-01]. Được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm, đánh giá cao về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức [H2-2.1-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được xếp loại tốt từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024. Tuy nhiên tiêu chí sử dụng ngoại ngữ trong chuẩn hiệu trưởng còn đạt mức khá do cán bộ quản lý chưa sử dụng thành thạo tiếng Anh [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt trình độ chuyên môn nghiệp vụ trên chuẩn theo quy định, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí công tác đang đảm nhiệm, được mọi người tín nhiệm.

3. Điểm yếu

Tiêu chí sử dụng ngoại ngữ trong chuẩn hiệu trưởng còn đạt mức khá do cán bộ quản lý chưa sử dụng thành thạo tiếng Anh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tiếp tục rèn luyện, phát huy năng lực quản lý của mình để nâng chất lượng hoạt động nhà trường. Hiệu trưởng tạo điều kiện để cán bộ quản lý tham gia các lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp để giao lưu, học hỏi, chia sẻ nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong năm học 2023-2024 trường có 28 giáo viên, trong đó bố trí 27/28 giáo viên vào 13 nhóm, lớp; 01 giáo viên nam phân công hỗ trợ hoạt động ở các phòng chức năng kiêm văn thư. Đội ngũ giáo viên đủ về số lượng theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định tại [H1-1.7-03].

b) Trường có 28/28 giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Điều lệ trường mầm non, chiếm tỷ lệ 100% bao gồm 27 giáo viên có trình độ đại học và 01 giáo viên có trình độ cao đẳng [H1-1.4-01]; [H2-2.2-01].

c) 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H2-2.2-02].

Mức 2:

a) Trường có 28/28 giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Điều lệ trường mầm non, chiếm tỷ lệ 100%. Số lượng giáo viên có trình độ trên chuẩn là 27/28, tỷ lệ 96,4%. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình, cụ thể: năm học 2019-2020 có 02 giáo viên tốt nghiệp đại học mầm non và năm học 2020-2021 có 03 giáo viên tốt nghiệp đại học mầm non [H1-1.4-01]; [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 28/28 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, trong đó 15/28 giáo viên, tỷ lệ 53.6% đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt [H2-2.2-02].

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-03]; [H1-1.4-01].

Mức 3:

a) Nhà trường có số lượng giáo viên đạt trình độ trên chuẩn là 27/28, chiếm tỷ lệ 96.4%. Đạt tỷ lệ theo quy định [H2-2.2-01].

b) Nhà trường có 28/28 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, tỷ lệ 100%. 15/28 giáo viên đánh giá mức tốt, tỷ lệ 53,6%. Số lượng giáo viên đạt mức tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non chưa cao [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng giáo viên đảm bảo đủ theo Điều lệ trường mầm non, trình độ giáo viên đạt chuẩn chiếm tỷ lệ 100% và được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên là 100%.

3. Điểm yếu

Số lượng giáo viên đạt mức tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì đủ số lượng giáo viên. Chỉ đạo 02 phó hiệu trưởng tăng cường tổ chức các buổi hội thảo giữa các tổ chuyên môn, tham gia học tập các chuyên đề do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10 tổ chức để các giáo viên có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, tạo sức lan tỏa nhằm nâng tỷ lệ giáo viên đạt được mức tốt trong đánh giá chuẩn giáo viên hằng năm.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có phân công 01 giáo viên nam hỗ trợ lớp kiêm phụ trách công tác văn thư, 05 giáo viên tham gia Ban Chấp hành Công đoàn và 02 giáo viên tham gia Ban Chấp hành Chi đoàn [H1-1.7-03].

- b) Nhà trường có đủ số lượng nhân viên để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công như sau: 01 kế toán, 01 nhân viên y tế, 02 bảo vệ, 02 phục vụ, 08 nhân viên nấu ăn. Đội ngũ nhân viên của nhà trường được Hiệu

trưởng phân công thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với năng lực của từng người [H1-1.7-03].

c) Đội ngũ nhân viên hoàn thành nhiệm vụ được phân công qua việc đánh giá, xếp loại nhân viên hằng năm [H1-1.2-03]; [H2-2.3-01].

Mức 2:

a) Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01]; [H2-2.3-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-03]; [H2-2.3-01].

Mức 3:

11/14 nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, chiếm tỷ lệ 78.6%, cụ thể: kế toán có bằng cao đẳng kinh tế, nhân viên y tế có bằng trung cấp y sĩ, 08 nhân viên nấu ăn có chứng chỉ sơ cấp nấu ăn; 03/14 nhân viên chưa đạt trình độ văn hóa cấp 2 và cấp 3, chiếm tỷ lệ 21.4%, cụ thể: 01 nhân viên bảo vệ có trình độ văn hóa 8/12, 02 nhân viên phục vụ trình độ văn hóa 5/12 và 9/12; đội ngũ nhân viên phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu công tác. Tuy nhiên, nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ trình độ văn hóa chưa cao nên đôi lúc xử lý công việc chưa đạt hiệu quả cao nhất [H1-1.4-01]; [H2-2.2-01].

a) Hằng năm nhân viên y tế, kế toán, nhân viên nấu ăn được tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn qua các lớp bồi dưỡng, các chuyên đề do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10 tổ chức [H1-1.4-01]; [H2-2.2-01].

2. Điểm mạnh

Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định; được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực; phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu công tác.

3. Điểm yếu

Nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ trình độ văn hóa chưa cao nên đôi lúc xử lý công việc còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025 hiệu trưởng tiếp tục duy trì bố trí, sử dụng nhân viên theo định biên được giao; Tiếp tục nâng cao chuyên môn cho đội ngũ nhân viên qua việc bồi dưỡng chuyên đề, cử đi học các lớp bồi dưỡng do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10 tổ chức, khuyến khích nhân viên phục vụ và nhân viên bảo vệ tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn nghiệp vụ để đảm bảo theo yêu cầu chung; Tạo mọi điều kiện thuận lợi để từng thành viên phát huy tốt năng lực.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt trình độ chuyên môn nghiệp vụ trên chuẩn theo quy định, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí công tác đang đảm nhiệm, được mọi người tín nhiệm.

Đội ngũ giáo viên đảm bảo đủ theo Điều lệ trường mầm non, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên.

Điểm yếu cơ bản

Tiêu chí sử dụng ngoại ngữ trong chuẩn hiệu trưởng còn đạt mức khá do cán bộ quản lý chưa sử dụng thành thạo tiếng Anh.

Số lượng giáo viên đạt mức tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non chưa cao, chỉ đạt 15/28 giáo viên, tỉ lệ 53.6%.

Nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ trình độ văn hóa chưa cao nên đôi lúc xử lý công việc còn hạn chế.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất trong trường mầm non là toàn bộ điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Đầu tư cơ sở vật chất trong trường mầm non chính là tạo môi trường sư phạm có đầy đủ trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi phục vụ nhu cầu sinh hoạt của trẻ hằng ngày; đó là tạo cho trẻ môi trường hoạt động hấp dẫn mang tính giáo dục cao đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc chăm sóc giáo dục trẻ.

Để đạt chất lượng giáo dục như mục tiêu nhà trường đề ra, song song với việc nâng chất lượng đội ngũ, Trường Mầm non Phường 1 đã từng bước hoàn thiện điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị trong nhà trường theo hướng hiện đại hóa.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có diện tích, khuôn viên rộng rãi, thoáng mát và các công trình đảm bảo yêu cầu về thiết kế theo quy định của Điều lệ trường mầm non với tổng diện tích khuôn viên là 2.975,6m². Diện tích sàn xây dựng là 3.726m², trung bình 8,5m²/01 trẻ, đảm bảo mức quy định theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Có biển tên trường được làm bằng chữ inox nổi trên nền đá hoa cương. Về hình thức và nội dung biển tên trường được thực hiện theo đúng quy định. Xung quanh trường có tường hàng rào bao quanh cao gần 3m, khuôn viên của trường đảm bảo vệ sinh, xanh, sạch, đẹp, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có sân chơi với tổng diện tích là 1.940m² được bố trí hợp lý: có các khu vực chơi cát, nước, trò chơi vận động; Hệ thống cây xanh được trồng trải dài theo khuôn viên trường, được cắt tỉa đẹp, hợp lý; Vườn cây của bé với nhiều chủng loại, được bố trí phù hợp với diện tích của nhà trường. Hiên chơi được tận dụng từ các hành lang, sảnh ở các lớp học, kiên cố, có lan can bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên trường có tường bao quanh, ngăn cách với bên ngoài. Sân chơi được thiết kế phù hợp tạo điều kiện cho trẻ chơi vận động thoải mái giúp trẻ phát triển tốt về mặt thể chất, có cây xanh được cắt tỉa đẹp, tạo môi trường gần gũi

với trẻ. Vườn cây của bé được phân chia theo nhiều khu vực giúp trẻ khám phá môi trường thiên nhiên, tạo điều kiện cho tất cả trẻ được quan sát, được chăm sóc cây, giáo dục trẻ ham thích lao động, cảm nhận cái đẹp, yêu thiên nhiên [H3-3.1-02].

c) Khu vực trẻ chơi có đủ và đa dạng các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Trường có bố trí khu vực để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động riêng cho trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo [H3-3.1-02]. Có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài ra, hằng năm nhà trường đều bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế và đảm bảo an toàn cho trẻ. Tuy nhiên một số đồ chơi bằng gỗ ở khu vận động ngoài trời xuống cấp, hư mục, làm ảnh hưởng đến hoạt động của trẻ trong thời gian sửa chữa [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích xây dựng đảm bảo theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Khuôn viên trường có tường bao quanh, ngăn cách với bên ngoài. Sân chơi được thiết kế phù hợp tạo điều kiện cho trẻ chơi vận động thoải mái giúp trẻ phát triển tốt về mặt thể chất. Hằng năm nhà trường đều bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế và đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên một số đồ chơi bằng gỗ ở khu vận động ngoài trời xuống cấp, hư mục, làm ảnh hưởng đến hoạt động của trẻ trong thời gian sửa chữa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 hiệu trưởng tiếp tục phát huy hiệu quả vườn cây của bé, thường xuyên kiểm tra và bổ sung đồ chơi ngoài trời để đảm bảo an toàn và

đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ. Nhà trường lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các công trình xây dựng kiên cố không để xuống cấp. Đồng thời chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi để bổ sung đồ chơi tự tạo ngoài trời, tăng cường vận động cho trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2023-2024 trường có 13 phòng học tương ứng với 13 nhóm, lớp trong đó có: 01 phòng học của nhóm 19-24 tháng, 02 phòng học của nhóm 25-36 tháng, 03 phòng học của lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 03 phòng

học của lớp mẫu giáo 4-5 tuổi và 04 phòng học của lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H3-3.1-01]; [H3-3.2-02].

b) Trường có 13 phòng sinh hoạt chung đảm bảo yêu cầu, là nơi cho trẻ học, chơi, ngủ. Phòng sinh hoạt chung có đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng mát, một số nhóm lớp được lót sàn gỗ đảm bảo an toàn cho trẻ không trơn trượt, có đầy đủ đồ dùng và trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.6-05]; [H3-3.2-01]. Trường có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, phòng thư viện và phòng dạy cá nhân cho trẻ khuyết tật, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tối thiểu hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.2-02].

c) Hệ thống đèn, quạt được trang bị đầy đủ ở các phòng, được vệ sinh sạch sẽ đảm bảo an toàn cho trẻ; có đầy đủ thiết bị dạy học, có kệ đựng hồ sơ được bố trí trong kho của từng lớp [H3-3.2-02].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung vừa là phòng ngủ, với tổng diện tích 1.305m², diện tích trung bình 3.9m²/trẻ, phòng giáo dục thể chất có diện tích 97m², phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 74m², phòng thư viện (đa năng) có diện tích 68m², đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.2-02].

b) Có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và được sắp xếp hợp lý; đảm bảo an toàn và thuận tiện cho trẻ dễ lấy, dễ cất khi sử dụng [H3-3.2-02].

Mức 3:

Trường có phòng học Thông minh có diện tích 50.3 m² cho trẻ làm quen với tin học, phòng tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh (hợp tác với Trung tâm ngoại ngữ) có diện tích 50.3 m².

Tuy nhiên thiết bị ở phòng học thông minh và phòng cho trẻ làm quen tiếng Anh chưa phong phú, đa dạng; giáo viên tổ chức hoạt động cho trẻ chưa được thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng tương ứng với số nhóm, lớp. Được trang bị đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu theo quy định tại

Điều lệ trường mầm non và được sắp xếp hợp lý; đảm bảo an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

3. Điểm yếu

Thiết bị ở phòng học thông minh và phòng cho trẻ làm quen ngoại ngữ chưa phong phú, đa dạng; giáo viên tổ chức hoạt động cho trẻ chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025 hiệu trưởng tiếp tục duy trì việc xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo hướng hiện đại hóa nhằm tạo môi trường tốt nhất cho trẻ học tập. Bổ sung thêm thiết bị hoạt động ở các phòng chức năng, khuyến khích giáo viên chủ động tổ chức hoạt động thường xuyên để nâng cao chất lượng hoạt động của trẻ ở phòng học thông minh và phòng học làm quen tiếng Anh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Có đủ các loại phòng theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non: 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 văn phòng (phòng họp), 01 phòng hành chính quản trị, 01 phòng y tế, 01 phòng dành cho nhân viên, 01 phòng bảo vệ, 05 nhà vệ sinh, 01 khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01].

b) Các phòng đều được trang bị bàn ghế làm việc, máy tính, tủ hồ sơ và các phương tiện làm việc khác theo quy định [H1-1.6-05]; [H3-3.3-01].

c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, sắp xếp gọn gàng, an toàn trật tự [H3-3.3-01].

Mức 2:

a) Diện tích các phòng khối hành chính - quản trị đảm bảo theo quy định: phòng hiệu trưởng diện tích 22,56m², phòng phó hiệu trưởng diện tích 21,8m², văn phòng diện tích là 75m², phòng hành chính quản trị diện tích là 50,7m², phòng y tế có diện tích là 12,15m², phòng dành cho nhân viên diện tích 12,25m², phòng bảo vệ diện tích 12,2m² [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

b) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có diện tích 84m², có mái che đảm bảo tiện lợi. Tuy nhiên, chưa có hàng rào và cửa để tạo nhà xe riêng biệt nhằm đảm bảo an toàn hơn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ [H3-3.3-01].

Mức 3:

Nhà trường có đầy đủ các phòng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 yêu cầu thiết kế trường mầm non. [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị và phương tiện phù hợp, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 yêu cầu về thiết kế trường mầm non.

3. Điểm yếu

Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa có hàng rào và cửa để tạo khu riêng biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì việc xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo hướng hiện đại hóa nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ, giáo viên, nhân viên làm việc. Có kế hoạch lắp ráp hàng rào và cửa khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm tạo khu vực riêng biệt.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Bếp ăn được bố trí ở tầng trệt, xây dựng kiên cố theo quy trình vận hành một chiều đúng quy định của Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].
- b) Kho chứa thực phẩm được sắp xếp phân chia theo từng khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, gọn gàng ngăn nắp và đảm bảo đúng các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm [H3-3.4-01].
- c) Nhà trường có trang bị 01 tủ lạnh riêng biệt, đặt tại bếp ăn, đảm bảo nhiệt độ và thực hiện lưu mẫu thức ăn hàng ngày của trẻ đúng quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.4-01].

Mức 2:

Khu vực nhà bếp có tổng diện tích là 185,5m², được xây dựng theo quy trình vận hành một chiều gồm: khu tiếp phẩm, sơ chế, chế biến, chia thức ăn... [H3-3.1-

01]. Có đầy đủ đồ dùng phục vụ cho công tác nấu ăn và phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường: các trang thiết bị nấu ăn và hệ thống bồn rửa bằng chất liệu inox, có tủ hấp cơm, máy xay thịt, máy sấy chén... đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, nước sử dụng được kiểm nghiệm hằng năm, đảm bảo việc xử lý rác và các chất thải đúng quy định, đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ [H3-3.4-01].

Mức 3:

Bếp ăn nhà trường đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non: thông thoáng, đủ ánh sáng, tường, trần nhà và sàn nhà bếp được lát gạch men, bằng phẳng, hạn chế các khe rãnh, góc cạnh, gờ dễ bám bụi, chất bẩn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng; được trang bị đầy đủ bàn, ghế, dụng cụ, có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Các thiết bị làm việc được trang bị theo hướng hiện đại hóa: xe trung chuyển, máy cắt thịt, rau củ, máy nước nóng năng lượng mặt trời, hệ thống hút nóng; nhà bếp gắn 02 đèn bắt côn trùng, gắn lưới chắn côn trùng; chưa có rào chắn để ngăn khu vực nhà bếp riêng biệt (trường chỉ gắn trụ và giăng dây ngăn cách) H3-3.4-01].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn đủ diện tích theo quy định, được bố trí theo một chiều và trang bị đầy đủ các đồ dùng. Có đầy đủ hệ thống nước sạch trong sử dụng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Kho thực phẩm được sắp xếp gọn gàng. Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày của trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà bếp chưa có rào chắn để ngăn khu vực nhà bếp riêng biệt (trường chỉ gắn trụ và giăng dây ngăn cách).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc nuôi dưỡng thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở nhân viên sắp xếp đồ dùng gọn gàng. Nhà trường tiếp tục duy trì bếp ăn tổ chức theo dây chuyền hoạt động bếp một chiều, tiếp tục có kế hoạch thay thế, trang bị đồ dùng dụng cụ nhà bếp hiện đại, làm thêm hàng

rào chắn khu vực nhà bếp để nâng cấp cơ sở vật chất đồng thời giảm tải cường độ lao động cho đội ngũ nhân viên.

2. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bổ sung đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu, phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dành cho giáo dục mầm non [H1-1.6-05]; [H3-3.2-01].

b) Ngoài các thiết bị đồ dùng đồ chơi theo yêu cầu độ tuổi, để hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đạt hiệu quả cao, giáo viên và trẻ cùng tạo ra các đồ dùng, đồ chơi bằng nhiều nguyên vật liệu sẵn có [H3-3.5-01]. Những vật

liệu được tận dụng lại đảm bảo tính an toàn, thẩm mỹ, đồ chơi có nhiều màu sắc khác nhau, đẹp tạo cơ hội cho trẻ hoạt động và phát triển tốt [H3-3.5-02].

c) Nhà trường có thực hiện việc kiểm kê tài sản, kiểm tra cơ sở vật chất theo định kỳ để xây dựng kế hoạch sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính ở các bộ phận, các nhóm lớp được kết nối internet và nối mạng nội bộ toàn trường để tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chung, tính khẩu phần dinh dưỡng, thu chi tài chính, xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, tổ chức hoạt động giáo dục trẻ... đạt hiệu quả [H1-1.6-06].

b) Có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non được sử dụng đạt hiệu quả trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ [H3-3.2-01].

c) Do nhu cầu phát triển theo từng độ tuổi, hằng năm giáo viên tự làm thêm đồ dùng dạy học, đồ chơi hỗ trợ thêm cho các thiết bị đáp ứng nội dung chương trình Giáo dục mầm non cho trẻ [H3-3.1-03]; [H3-3.5-01].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định được các giáo viên khai thác và sử dụng thường xuyên [H3-3.1-03]; [H3-3.5-01]; có hiệu quả trong các hoạt động học, vui chơi trong lớp, ngoài trời và hoạt động các phòng chức năng [H3-3.5-02]. Tuy nhiên, một số đồ dùng đồ chơi tự làm cho trẻ chơi ngoài trời chưa chú ý đến tính thẩm mỹ và công năng sử dụng.

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc và giáo dục trẻ. Các giáo viên có sự đầu tư sáng tạo, tìm tòi thiết kế các đồ chơi nhằm phục vụ cho hoạt động của trẻ hiệu quả.

3. Điểm yếu

Đồ dùng đồ chơi tự làm của một vài giáo viên còn chưa chú ý đến tính thẩm mỹ (màu sắc, kích thước...) và công năng sử dụng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng duy trì tiếp việc sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi. Phát động phong trào làm đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn, thẩm mỹ cho trẻ, khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên cùng tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh của trẻ được bố trí trong lớp học thuận tiện cho tất cả trẻ sử dụng, luôn sạch sẽ, khô ráo, đảm bảo vệ sinh. Có 06 khu vệ sinh riêng dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.3-01]. Những năm qua nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập, nên trường không bố trí bồn vệ sinh cho trẻ khuyết tật” [H3-3.6-01].

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường không bị ứ đọng. Nhà trường sử dụng nguồn nước thủy cục đảm bảo vệ sinh, hằng năm có xét nghiệm vi sinh. Có bồn chứa nước trên sân thượng, đạt tiêu chuẩn yêu cầu về chất lượng và

đủ dùng trong sinh hoạt. Trường hợp đồng với Công ty nước uống đóng chai Ion-life cho giáo viên, nhân viên và trẻ sử dụng [H1-1.10-05]; [H3-3.6-02].

c) Nhà trường ký hợp đồng với đơn vị vệ sinh Công ích Quận 10, rác thải được thu gom hằng ngày, nước thải được xử lý kịp thời không để tồn đọng nhằm để đảm bảo vệ sinh môi trường [H1-1.6-06]. Các thùng đựng rác có nắp đậy và được phân loại đúng quy định [H3-3.6-01].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bố trí thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định: mỗi nhóm, lớp đều có phòng vệ sinh riêng, diện tích bình quân 22,25m²/phòng, được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát khi trẻ đi vệ sinh. Phòng vệ sinh của trẻ được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng như xà bông, bồn rửa tay, máy sấy tay... các nhóm nhà trẻ có máy nước nóng, có ghế rửa, ghế bô; lớp mẫu giáo có vòi nước rửa tay, bệ tiểu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái được ngăn cách bằng vách ngăn lưng cao 0,8m, có vòi rửa... [H3-3.6-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học: sử dụng nguồn nước thủy cục đảm bảo vệ sinh [H3-3.6-02], được xét nghiệm hằng năm đạt tiêu chuẩn yêu cầu về chất lượng [H1-1.10-05]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác, có thùng đựng và phân loại rác thải, có nắp đậy, được vệ sinh sạch sẽ, rác được thu gom hằng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ nhà vệ sinh riêng biệt dành cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo theo quy định, có nguồn nước sạch đảm bảo cho việc cung cấp nước sinh hoạt cho trẻ, việc xử lý rác thải được nhà trường thực hiện thường xuyên, nghiêm túc.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa bố trí bồn vệ sinh cho trẻ khuyết tật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục có kế hoạch bố trí bồn vệ sinh cho trẻ khuyết tật, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Hiệu trưởng kiến nghị với lãnh đạo đội vệ sinh Công ích Quận 10 có sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn cụ thể cho nhân viên thu gom rác thải phải phân loại rác thải theo quy định. Hiệu trưởng phân chia nhà vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nam, nữ hợp lý hơn, tránh đi chung.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có diện tích rộng rãi với tường rào bao quanh, khu vực sân chơi có nhiều đồ dùng đồ chơi, cây xanh, cây kiểng, nhiều mảng xanh tạo cảnh quan đẹp đáp ứng nhu cầu cho trẻ vận động, vui chơi, học tập.

Nhà trường có đầy đủ các phòng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

Trường có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc và giáo dục trẻ. Các giáo viên có sự đầu tư sáng tạo, tìm tòi thiết kế các đồ chơi nhằm phục vụ cho hoạt động của trẻ hiệu quả.

Điểm yếu cơ bản

Tuy nhiên một số đồ chơi bằng gỗ ở khu vận động ngoài trời xuống cấp, hư mục, làm ảnh hưởng đến hoạt động của trẻ trong thời gian sửa chữa.

Thiết bị ở phòng học thông minh và phòng cho trẻ làm quen ngoại ngữ chưa phong phú, đa dạng; giáo viên tổ chức hoạt động cho trẻ chưa được thường xuyên.

Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa có hàng rào và cửa để tạo khu riêng biệt.

Nhà bếp chưa ngăn khu vực nhà bếp riêng biệt (trường chỉ gắn trụ và giăng dây ngăn cách)

Đồ dùng đồ chơi tự làm của một vài giáo viên còn chưa chú ý đến tính thẩm mỹ (màu sắc, kích thước...) và công năng sử dụng.

Nhà trường chưa bố trí bồn vệ sinh cho trẻ khuyết tật.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Để hoạt động chăm sóc và giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao, ngoài sự phấn đấu nỗ lực của tập thể trong nhà trường còn có sự đóng góp về vật chất, tinh thần của cha mẹ học sinh và các ban ngành đoàn thể, các lực lượng xã hội. Do đó, để thực hiện tốt mục tiêu giáo dục, không những phải làm tốt công tác giáo dục trong nhà trường mà còn phải kết hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội. Xác định được tầm quan trọng cũng như vai trò, vị trí của công tác kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, ngoài sự phấn đấu nỗ lực của các lực lượng trong nhà trường còn có sự đóng góp về vật chất, tinh thần của cha mẹ học sinh và các cơ quan đoàn thể, các lực lượng xã hội. Thông qua Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, nhà trường tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu Cha mẹ học sinh để thống nhất kế hoạch nhằm hỗ trợ thực hiện công trình, thúc đẩy các hoạt động giáo dục được tổ chức trong năm học. Nhà trường có mối quan hệ tốt với địa phương, chủ động tham mưu với cấp ủy địa phương, các ban ngành có sự phối hợp tốt về các hoạt động trong khu vực.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TTBGDDT ngày 22 tháng 11 năm 2011 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hằng năm nhà trường tiến hành tổ chức đại hội cha mẹ học sinh của các lớp và bầu ra Ban Đại diện cha mẹ trẻ của trường gồm 01 trưởng ban, 02 phó ban [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động theo từng năm học, trong đó đề ra các biện pháp phối hợp tốt với nhà trường, với lớp trong công tác nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh dựa trên kế hoạch thực hiện các hoạt động theo đúng tiến độ, đảm bảo tốt hợp đầu năm học, sơ kết, tổng kết với cha mẹ học sinh và đã đạt hiệu quả trong công tác nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục thông qua các hoạt động như: phối hợp tổ chức họp cha mẹ học sinh theo định kỳ 3 lần/năm học, tổ chức cho cha mẹ học sinh tham quan, dự giờ các hoạt động của trẻ; tổ chức hội thảo chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp Một; đảm bảo mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường, giáo viên và gia đình thông qua các dịp lễ hội, giờ đón trả trẻ, qua bản tin trường, lớp, sổ liên lạc, sổ bé ngoan, trong các buổi họp cha mẹ học sinh của trường, nhóm lớp (2-3 lần/năm), qua hệ thống mạng Zalo-Viber

[H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường trong công tác hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ thông qua các buổi họp lớp, trường thông qua bản tin dành cho phụ huynh của lớp, trường và tuyên truyền trên trang web của nhà trường [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh và phụ huynh các nhóm, lớp đã chủ động phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; quan tâm, hỗ trợ nhà trường cải tạo cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, trong năm học 2023-2024, do tình hình dịch bệnh tay chân miệng nên có lúc Ban đại diện cha mẹ học sinh có bị động trong việc phối hợp tổ chức một vài hoạt động của nhà trường [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các thành phần Ban đại diện cha mẹ học sinh nhóm, lớp, trường và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tốt trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, trong tổ chức các hoạt động giáo dục, các hội thi, các lễ hội và hỗ trợ cơ sở vật chất nhà trường.

3. Điểm yếu

Có lúc một vài thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường chưa đạt hiệu quả tốt nhất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy những mặt mạnh, tăng cường công tác phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh để thực hiện tốt 3 môi trường giáo dục: nhà trường - gia đình - xã hội nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và phụ huynh, dùng nhiều

hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh được đảm bảo theo kế hoạch và đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;
- b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a) Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ như: công tác tuyển sinh hằng năm, huy động trẻ 5 tuổi ra lớp, hoàn thành tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tại địa phương. Đề xuất với ủy ban nhân dân Phường 1 có các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự xung quanh trường [H1-1.3-05]; [H4-4.2-01].

b) Chi bộ và các đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, qua trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và phụ huynh, qua các buổi họp giao ban bí thư chi bộ, giao ban dư luận xã hội do Đảng ủy Phường 1 tổ chức [H4-4.1-02].

c) Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định; công tác xã hội hóa giáo dục nhà trường được các mạnh thường quân, cha mẹ trẻ em đồng thuận, hỗ trợ tích cực để thực hiện các công trình như mái che sân giữa, đồ chơi vận động, kệ học tập các lớp, xe chia cơm inox các lớp... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ tham gia các hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt [H1-1.6-02]; [H4-4.1-03].

Mức 2:

a) Hiệu trưởng chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển để thực hiện phương hướng phát triển nhà trường như: phân công giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng nguồn kết nạp đảng, các buổi học tập nghị quyết, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự... [H1-1.3-05].

b) Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể như: Đoàn Thanh niên, Hội khuyến học, Hội đồng giáo dục phường trong công tác điều tra vận động trẻ ra lớp, trong tổ chức các lễ hội, sự kiện [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H4-4.2-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh có tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhà trường được công nhận đạt danh hiệu đơn vị văn hóa. Tuy nhiên, chưa huy động được các tổ chức trên địa bàn trong việc tham gia xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa của địa phương [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chủ động phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể tại địa phương để nắm bắt kịp thời chủ trương, kế hoạch,

trong việc thông tin trao đổi, đề xuất công tác chăm sóc, giáo dục trẻ cũng như đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

3. Điểm yếu

Chưa huy động được các tổ chức trên địa bàn trong việc tham gia xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tăng cường tham mưu phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để công tác chăm sóc, giáo dục trẻ cũng như đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học ngày càng tốt hơn, phối hợp chặt chẽ giữa ba môi trường gia đình - nhà trường - xã hội, với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất nhằm thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ, tạo sự đồng thuận trong việc huy động sự tham gia đóng góp tích cực của cha mẹ học sinh để cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, các điều kiện để chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường, xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có đầy đủ các thành phần Ban đại diện cha mẹ học sinh nhóm, lớp, trường và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tốt trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, trong tổ chức các hoạt động giáo dục, các hội thi, các lễ hội và hỗ trợ cơ sở vật chất nhà trường.

Điểm yếu cơ bản

Có lúc một vài thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường chưa đạt hiệu quả tốt nhất.

Chưa huy động được các tổ chức trên địa bàn trong việc tham gia xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Công tác chăm sóc giáo dục trẻ là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong các cơ sở giáo dục mầm non. Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào học lớp Một. Để trẻ phát triển cân đối, khỏe mạnh ngay từ những năm tháng đầu đời cần phải có một chế độ dinh dưỡng hợp lý.

Thời gian hoạt động của trẻ ở trường mầm non chiếm tỷ lệ khá lớn so với gia đình. Vì vậy, cùng với gia đình, trường mầm non có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc giáo dục cho trẻ. Điều đó đòi hỏi mỗi cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non cần có những kiến thức cơ bản phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý, dinh dưỡng và sức khỏe của trẻ lứa tuổi mầm non. Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) *Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục để tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo năm, tháng, ngày đúng theo Văn bản số 01/VBHN của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 13 tháng 4 năm 2021 quy định và bám sát theo sự chỉ đạo của ngành [H1-1.8-01].

b) Căn cứ Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên điều chỉnh và phát triển nội dung phù hợp với từng độ tuổi, đặc điểm tâm sinh lý của trẻ và điều kiện của trường [H1-1.8-01].

c) Hằng tuần, phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục theo dõi, kiểm tra việc thực hiện xây dựng kế hoạch của các nhóm, lớp và có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp để giúp đỡ cũng như phát huy năng lực chuyên môn của giáo viên trong quá trình thực hiện [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

a) Để tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng, các lớp thực hiện kế hoạch chăm sóc giáo dục trên phần mềm Minmanager, kịp thời cập nhật theo năm, tháng, ngày để tổ chức các hoạt động cho trẻ. Ngoài việc xây dựng kế hoạch giáo dục, nhà trường thường xuyên tổ

chức bồi dưỡng chuyên môn, hội thi giáo viên dạy giỏi, tổ chức các chuyên đề nhằm giúp cho giáo viên nâng cao chất lượng trong việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và xây dựng môi trường hoạt động cũng như tổ chức các hoạt động cho trẻ có hiệu quả [H1-1.4-04]; [H1-1.7-01]; [H1-1.8-03]; [H5-5.1-01].

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với văn hóa địa phương qua việc lập kế hoạch giáo dục có lồng ghép các yếu tố liên quan đến văn hóa của địa phương nhằm đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.8-01].

Mức 3:

a) Trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, khuyến khích giáo viên ứng dụng một số phương pháp như Montessori và ứng dụng Steam/Stem vào tổ chức hoạt động cho trẻ. Kết quả khoảng 6/28 giáo viên (21%) đã mạnh dạn thực hiện để tổ chức các hoạt động cho trẻ đa dạng và phong phú hơn; các giáo viên khác vẫn còn ngại, chưa mạnh dạn vận dụng để phát triển chương trình [H1-1.8-01].

b) Hằng năm có sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Giáo viên thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch, đưa ra các nội dung, hình thức, phương pháp bám sát với tình hình thực tế của trường và có sự linh động khi thực hiện. Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được nhà trường phát triển phù hợp với từng độ tuổi của trẻ và điều kiện của trường.

3. Điểm yếu

Giáo viên chưa mạnh dạn tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực để tổ chức các hoạt động cho trẻ đa dạng và phong phú hơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nắm vững cách xây dựng kế hoạch đạt chất lượng và hiệu quả trong việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Tăng cường kiểm tra, theo dõi, dự giờ giúp giáo viên tổ chức các hoạt động cho trẻ ngày càng hiệu quả hơn. Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn hướng dẫn, giúp đỡ các giáo viên trong tổ chưa vững vàng khi xây dựng kế hoạch giáo dục. Cán bộ quản lý động viên, hướng dẫn giáo viên mạnh dạn học tập Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*
- b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*
- c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học [H1-1.8-01];

luôn đảm bảo phù hợp với mục tiêu đề ra, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi trẻ, với tình hình thực tế của trường [H1-1.8-03]; [H5-5.1-01].

b) Môi trường trong và ngoài lớp được xây dựng và tổ chức theo hướng “Lấy trẻ làm trung tâm” tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm [H3-3.1-02]. Các nhóm, lớp sử dụng sản phẩm của trẻ để trang trí môi trường, thiết kế các bài tập ở các góc chơi; tận dụng các góc ở sân trường thiết kế các khu trò chơi vận động, khám phá, trải nghiệm phù hợp với trẻ [H3-3.1-03]. Nhà trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho việc tổ chức hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ [H5-5.2-01].

c) Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế thông qua các hoạt động học, vui chơi trong lớp, ngoài trời, hoạt động lễ hội, tham quan và các hội thi... [H1-1.8-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế như: tổ chức hoạt động vui chơi, hoạt động ngoài trời, các hoạt động lễ hội, tham quan dã ngoại. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh (tay, chân, miệng; Covid-19) nên từ năm học 2020-2021 đến nay, nhà trường không tổ chức được các hoạt động tham quan các địa danh, di tích lịch sử, văn hóa địa phương; tham quan vui chơi ngoại khóa mà chỉ tổ chức cho trẻ tham quan trường Tiểu học, tham quan di tích lịch sử thông qua xem clip [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

Mức 3:

Nhà trường thường xuyên tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp tạo cho trẻ có cơ hội vui chơi trải nghiệm bằng nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động lễ hội, vui chơi ngoại khóa; đồ dùng đồ chơi đa dạng, phong phú có sự liên kết khi chơi theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”, tuy nhiên còn một số giáo viên lớp mẫu giáo 4-5 tuổi thiết kế các bài tập, trò chơi học tập chưa đa dạng, phong phú phù hợp với khả năng thực tế của trẻ của nhóm lớp [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục linh hoạt; luôn đảm bảo phù hợp với mục tiêu đề ra, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi trẻ, với tình hình thực tế của trường. Môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học được tổ chức phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, qua đó kích thích hứng thú và tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên thiết kế các bài tập, trò chơi học tập chưa đa dạng, phong phú và phù hợp với khả năng thực tế của trẻ của nhóm lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, thảo luận chuyên đề “Xây dựng môi trường theo hướng lấy trẻ làm trung tâm”, có sự hướng dẫn, gợi ý cụ thể các trang thông tin trên internet và định hướng để giáo viên tổ mẫu giáo 4-5 tuổi thiết kế các bài tập đa dạng, phong phú, phù hợp với khả năng thực tế của trẻ; tổ chức các hoạt động thực hành cho giáo viên học tập kinh nghiệm lẫn nhau trong trường, giao lưu học tập trong và ngoài quận. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm các hoạt động giáo dục của các giáo viên vào cuối học kỳ 1, cuối năm học, đề xuất những phương pháp khi thực hiện đảm bảo tính hiệu quả.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho trẻ phù hợp với tình hình điều kiện của đơn vị [H1-1.10-05]. Phối hợp tốt với Trạm y tế Phường 1 trong chăm sóc và tổ chức khám sức khỏe theo quy định, tuyên truyền và phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng... [H5-5.3-01].

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H1-1.10-05]; [H5-5.3-02].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học: suy dinh dưỡng giảm 9/12, tỷ lệ 75%; trẻ thừa cân béo phì giảm 14/49, tỷ lệ 28.6% [H1-1.10-05].

Mức 2:

a) Nhà trường và giáo viên nhóm, lớp thường xuyên tư vấn cho phụ huynh các nội dung về sức khỏe, phòng chống bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân-béo phì, chế độ ăn, thực đơn của trẻ, tinh thần, thái độ học tập và các hoạt động của trẻ ở trường... qua các buổi họp phụ huynh, tuyên truyền trên bản tin trường, lớp và trao đổi trực tiếp vào giờ đón trả trẻ [H4-4.1-02].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT): đối với trẻ nhà trẻ nhu cầu calo đạt trong ngày là 60-70%, trẻ mẫu giáo calo đạt trong ngày là 50-55% [H1-1.5-02].

c) Nhà trường có kế hoạch can thiệp bằng những biện pháp phù hợp cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì như: đối với những trẻ suy dinh dưỡng thường xuyên tổ chức cho trẻ hoạt động ngoài trời, phối hợp với phụ huynh tăng cường những thực phẩm nhiều đạm, béo (sữa, trứng, phô mai, thịt, cá) và động viên trẻ ăn hết suất; đối với những trẻ thừa cân, béo phì nhà trường tăng cường vận động vào buổi sáng, thể dục giữa giờ, ăn nhiều rau quả và thực hiện cân đo hằng tháng. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học: suy dinh dưỡng giảm 9/12, tỷ lệ 75%; trẻ thừa cân béo phì giảm 14/49, tỷ lệ 28.6% [H1-1.10-05].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% trẻ tại trường được cân đo đầy đủ. Trường có 88% (279/317 trẻ) trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường; 12% (38/317 trẻ) trẻ thừa cân, béo phì [H1-1.10-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

3. Điểm yếu

Trường chỉ có 88% (279/317 trẻ) trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường; 12% (38/317 trẻ) trẻ thừa cân, béo phì.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, xây dựng khẩu phần dinh dưỡng cân đối, đảm bảo theo quy định. Tiếp tục có chế độ ăn uống hợp lý, chỉ đạo giáo viên xây dựng các bài tập vận động phù hợp nhằm đảm bảo sức khỏe cho trẻ, tuyên truyền đến phụ huynh cùng phối hợp thực hiện công tác phòng chống thừa cân-béo phì đạt hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thông qua kết quả thống kê hằng năm về phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi của trường, tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đều đạt trên 95% và trẻ dưới 5 tuổi đều đạt trên 92% [H5-5.4-01].

Năm học	Trẻ 5 tuổi		Trẻ dưới 5 tuổi	
	Số trẻ	Tỷ lệ	Số trẻ	Tỷ lệ
2019-2020	136/137 bé	99,3%	278/289 bé	96,2%
2020-2021	132/134 bé	98,5%	283/305 bé	92,8%
2021-2022	116/116 bé	100%	205/205 bé	100%
2022-2023	107/107 bé	100%	226/226 bé	100%
2023-2024	102/102 bé	100%	215/215 bé	100%

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non năm học 2023-2024 là 100% (102/102 trẻ). Trong 05 năm liên, nhà trường luôn được đánh giá hoàn thành tốt công tác phổ cập trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01].

c) Trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân; thực hiện tốt công tác tư vấn phụ huynh đưa trẻ đi kiểm tra tâm lý tại các cơ sở y tế, hướng dẫn phụ huynh làm giấy xác nhận mức độ khuyết tật để trẻ được hưởng các chế độ. Phân công giáo viên có kinh nghiệm phụ trách, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với đặc điểm tâm lý của trẻ. Năm học 2023-2024 trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-03]

Mức 2:

a) Tính đến thời điểm tháng 05/2024, tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5-6 tuổi đạt 100%; trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 92% [H5-5.4-01].

b) Nhà trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non, nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi được trang bị đầy đủ tâm thế để thích nghi vào lớp một. Năm học 2023-2024 đạt 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H4-4.2-02].

c) Năm học 2023-2024 trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-03].

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định, từ năm học 2019-2020 đến nay trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt tỷ lệ 100% [H4-4.2-01].

b) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập trong năm học 2023-2024 [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

100% trẻ 5 tuổi đều hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non.

3. Điểm yếu

Do dịch bệnh (tay chân miệng, sốt xuất huyết) buộc trẻ phải nghỉ học nên tỉ lệ trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non còn được tính bằng sự tương tác giữa giáo viên, trẻ và phụ huynh thông qua nhóm group zalo, trực tiếp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tốt công tác phổ cập trẻ 5 tuổi, duy trì và nâng tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi, duy trì tỷ lệ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Tiếp tục duy trì những biện pháp đã thực hiện nhằm giữ vững uy tín của nhà trường về việc chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập, tiếp tục thực hiện tốt công tác tư vấn, hỗ trợ và hướng dẫn phụ huynh về các biện pháp chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Giáo viên nhà trẻ tăng cường công tác tư vấn, tuyên truyền Cha mẹ học sinh cho trẻ đi học đều và tổ chức tốt công tác phòng chống dịch bệnh, tổ chức tốt các hoạt động để giúp trẻ vui thích đến trường nhằm đảm bảo tỷ lệ chuyên cần.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh nổi bật

Giáo viên thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch, đưa ra các nội dung, hình thức, phương pháp bám sát với tình hình thực tế của

trường và có sự linh động khi thực hiện. Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được nhà trường phát triển phù hợp với từng độ tuổi của trẻ và điều kiện của trường.

100% trẻ 5 tuổi đều hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non.

Điểm yếu cơ bản

Giáo viên chưa mạnh dạn tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực để tổ chức các hoạt động cho trẻ đa dạng và phong phú hơn.

Một số giáo viên thiết kế các bài tập, trò chơi học tập chưa đa dạng, phong phú và phù hợp với khả năng thực tế của trẻ của nhóm lớp.

Trường chỉ có 88% (279/317 trẻ) trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường; 12% (38/317 trẻ) trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.

Do dịch bệnh (tay chân miệng, sốt xuất huyết) buộc trẻ phải nghỉ học nên tỉ lệ trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non còn được tính bằng sự tương tác giữa giáo viên, trẻ và phụ huynh thông qua nhóm group zalo, trực tiếp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Kiểm định chất lượng giáo dục có vai trò như những chuyên gia tư vấn, không chỉ giúp nhà trường có cái nhìn tổng quát về thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục mà còn giúp nhà trường giải quyết vấn đề tồn đọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục. Việc xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu giúp nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng thích hợp nhằm đạt mục tiêu đổi mới và góp phần định hướng các hoạt động của nhà trường trong thời gian tới ngày càng đạt hiệu quả cao.

Qua việc tự đánh giá, đối chiếu với tổng số 75 chỉ báo của 25 tiêu chí trong 5 tiêu chuẩn theo quy định, Trường Mầm non Phường 1 tự đánh giá kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 25/25

tỷ lệ 100%.

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25 tỷ lệ: 00%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 25/25 tỷ lệ 100%.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 00/25 tỷ lệ: 00%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 11/19 tỷ lệ 57,9%.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 08/19 tỷ lệ 42,1%.
- Mức đánh giá của Trường Mầm non Phường 1: Mức 2.
- Trường Mầm non Phường 1 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục
Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1./.

Quận 10, ngày 23 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Phương Anh

Phần IV. PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Từ năm 2016 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Trang thông tin điện tử.	mnphuong1q10.hcm.edu.vn		
	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch năm, tháng	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.1-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường, quyết định kiện toàn Hội đồng trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10	
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập các hội đồng khác	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	- Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10 - Hiệu trưởng	

	3	[H1-1.2-03]	Các sổ biên bản: hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, hội đồng tuyển sinh.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng và các thành viên	
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Liên đoàn Lao động Quận 10	Phòng lớp MG 4-5 t (1)
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Đoàn Phường 1	Phòng lớp MG 5-6 t (4)
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Hội Khuyến học.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Chi Hội Khuyến học Phường 1	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Hội Chữ thập đỏ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Chi Hội Chữ thập đỏ Phường 1	Phòng phó hiệu trưởng
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ Chi bộ.	Từ năm 2016 - 2021	Bí thư Chi bộ	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ nhân sự.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định thành lập các Tổ	Từ năm học 2016 - 2017	Hiệu trưởng	

			chuyên môn, phân công Tổ trưởng.	đến năm học 2020 - 2021		
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ các tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Tổ trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ các chuyên đề.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	
	5	[H1-1.4-05]	Hình ảnh các hoạt động của tổ chuyên môn.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh bạ các nhóm, lớp.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.5-02]	Hồ sơ quản lý bán trú	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.5-03]	Hồ sơ giáo dục khuyết tật học hòa nhập.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2019 - 2020	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ văn thư lưu trữ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Văn thư	Văn phòng
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ tài chính, tài sản	Từ năm học 2016 - 2017	Hiệu trưởng	

1.6			trường.	đến năm học 2020 - 2021		
	3	[H1-1.6-03]	Quy chế chi tiêu nội bộ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.6-04]	Kế hoạch sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.6-05]	Sổ tài sản các nhóm, lớp; các bộ phận.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Giáo viên	Nhóm, lớp
	6	[H1-1.6-06]	Hợp đồng sử dụng phần mềm, hợp đồng Internet, hợp đồng thu gom rác thải.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	
	3	[H1-1.7-03]	Quyết định phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

	4	[H1-1.7-04]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.7-05]	Hồ sơ thi tay nghề nhân viên nấu ăn, nhân viên nuôi dưỡng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	6	[H1-1.7-06]	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của các nhóm, lớp.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Giáo viên	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Nhận xét kế hoạch giáo dục các nhóm, lớp.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	
	3	[H1-1.8-03]	Biên bản sinh hoạt chuyên môn định kỳ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	
	4	[H1-1.8-04]	Giấy khen về việc thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	- Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM - Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10	Văn phòng
Tiêu chí	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ quy chế dân chủ, giấy khen thực hiện tốt quy chế	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

1.9			dân chủ cơ sở.			
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ tiếp công dân.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ các phương án của nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Ủy ban nhân dân Quận 10	
	3	[H1-1.10-03]	Hình ảnh tổ chức tập huấn và triển khai các phương án trong nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ hợp đồng thực phẩm.	Từ năm học 2016 - 2022	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Hồ sơ y tế.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Bảng khen, giấy khen của	Từ năm học 2016 - 2017	- Sở Giáo dục và	Văn phòng

			Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.	đến năm học 2020 - 2021	Đào tạo TPHCM - Ủy ban nhân dân Quận 10	
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Danh sách thống kê về trình độ giáo viên, nhân viên.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H2-2.2-02]	Hồ sơ đánh giá chuẩn giáo viên.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Bảng đánh giá, tổng hợp, xếp loại nhân viên hằng năm.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ xây dựng trường, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh cổng, khuôn viên, sân chơi, hiên chơi, vườn cây của bé.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	
	3	[H3-3.1-03]	Danh mục đồ dùng đồ chơi ngoài trời và giáo viên tự làm.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	

Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Danh mục đồ dùng đồ chơi các nhóm, lớp.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Giáo viên	Phòng phó hiệu trưởng
	1	[H3-3.2-01]	Danh mục đồ dùng đồ chơi các lớp.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh các nhóm, lớp; các phòng chức năng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh các phòng khối hành chính – quản trị, khu để xe.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh khu vực bếp ăn, kho thực phẩm.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Hình ảnh đồ dùng đồ chơi các lớp tự làm.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	
	2	[H3-3.5-02]	Hình ảnh trẻ vui chơi trong lớp, ngoài trời.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	3	[H3-3.5-03]	Biên bản kiểm kê tài sản.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn phòng

Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hình ảnh phòng vệ sinh các nhóm, lớp; khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; nhà rác, thùng rác.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H3-3.6-02]	Hợp đồng sử dụng nước thủy cục, nước uống.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Tài liệu tuyên truyền, hình ảnh.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng y tế
	3	[H4-4.1-03]	Hồ sơ tài trợ hoạt động nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ giáo dục phổ cập.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H4-4.2-02]	Hồ sơ đơn vị văn hóa.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí	1	[H5-5.1-01]	Hồ sơ hội thi giáo viên giỏi.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng

5.1						
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hình ảnh môi trường các nhóm lớp.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.2-02]	Hình ảnh các hoạt động học, chơi, lễ hội, hội thi, tham quan dã ngoại.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	
	3	[H5-5.2-03]	Kế hoạch tổ chức các lễ hội, các hội thi, tham quan dã ngoại cho trẻ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Hình ảnh phối hợp với y tế địa phương trong CSSK trẻ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.3-02]	Sổ sức khỏe của trẻ	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Nhân viên y tế	Nhóm, lớp
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Sổ theo dõi trẻ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Giáo viên	Phòng phó hiệu trưởng

